

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HỮU LŨNG  
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 66/2022/HS-ST  
Ngày 10-11-2022

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Mạnh Cường.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Phạm Phương Trinh;

Ông Nguyễn Công Thanh.

**- Thư ký phiên toà:** Bà Vy Thị Mai Hương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà:** Ông Mã Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 66/2022/TLST-HS ngày 15 tháng 10 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2022/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 10 năm 2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T (tên gọi khác: Không có), sinh ngày 01 tháng 3 năm 1989, tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn Đ, xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: Lớp 3/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1964 và bà Hoàng Thị N, sinh năm 1965; vợ Nguyễn Thị O, sinh năm 1993; có 02 con sinh năm 2013 và năm 2015; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị xử lý hành chính và chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo tại ngoại, hiện đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

**- Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn Đ, xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

2. Bà Hoàng Thị N, sinh năm 1965; địa chỉ: Thôn Đ, xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

3. Anh Đường Văn B, sinh năm 1988; Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

4. Anh Đường Văn C, sinh năm 1994; Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

5. Anh Đường Văn P, sinh năm 1990; Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2013, gia đình ông Nguyễn Văn M và bà Hoàng Thị N được Ủy ban nhân dân huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với các thửa đất số 331, 352, 357, 358 tờ bản đồ số 08 tại khu vực vùng phòng hộ K, xã S, huyện H. Sau đó, gia đình ông M đã trồng các cây Xoan, Lát, Keo và Bạch Đàn tại các khu vực đất trống xen lẫn trong vùng cây tự nhiên tại các lô 27, 41, 42 và 45 khoảnh 12, tiểu khu 2G thuộc rừng phòng hộ nằm trong các thửa 331, 352, 357, 358 nói trên. Đến năm 2022, cây đã đến tuổi khai thác, ông Nguyễn Văn M, bà Hoàng Thị N giao cho con trai là anh Nguyễn Văn T bán các cây Xoan, Lát, Keo và Bạch Đàn của gia đình trồng.

Tháng 02 năm 2022, Nguyễn Văn T đã bán các loại cây gia đình trồng cho anh Đường Văn B. Sau khi mua cây, bắt đầu từ ngày 16/02/2022, anh B đã thuê các anh Đường Văn C, Đường Văn P đi khai thác số cây đã mua tại các lô 27, 41, 42 và 45 khoảnh 12, tiểu khu 2G. Cùng thời điểm đó, Nguyễn Văn T đã tự ý sử dụng dao, cưa lam cầm tay chặt hạ các cây Kháo, Dẻ, Núc Nác, Mè Gà, Ngún Ngán, Trầu, Vối, Sau Sau, Chò, Gạo, Đa, Thầu Tầu và một số cây chưa xác định được tên loài thuộc nhóm gỗ thông thường trên hai khu vực rừng tự nhiên sát cạnh khu vực cây gia đình trồng đã bán cho anh B, rồi sau đó đốt, dọn với mục đích để trồng cây Bạch Đàn, phát triển kinh tế.

Đến ngày 13/4/2022, Công an xã S, huyện H phát hiện các anh Đường Văn C, Đường Văn P đang cắt cây tự nhiên để mở đường vận chuyển gỗ đã mua với gia đình Nguyễn Văn T nên đã yêu cầu tạm dừng. Quá trình kiểm tra phát hiện 02 khoảng rừng tự nhiên thuộc rừng phòng hộ đã bị Nguyễn Văn T chặt phá nên đã lập Biên bản xác định hiện trạng rừng bị chặt phá.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 28/4/2022 xác định diện tích cây rừng tự nhiên bị chặt phá đốt cháy gồm 02 khu vực với tổng diện tích là 6.108,24m<sup>2</sup>; một khu tại lô 27 thuộc thửa 331 diện tích là 3.452,79m<sup>2</sup>; một khu tại các lô 41 thuộc thửa 352, lô 42 thuộc thửa 357 và lô 45 thuộc thửa 358 diện tích là 2.655,45m<sup>2</sup>; các thửa đất trên đều thuộc khoảnh 12, tiểu khu 2G tờ bản đồ 08, bản đồ hiện trạng rừng xã S năm 2020, thuộc vùng phòng hộ K; đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn M.

Tại hiện trường phát hiện 101 cây gỗ tự nhiên có đường kính gốc từ 10cm đến 40cm, chiều cao vút ngọn từ 05m đến 14m, loài chủ cây chủ yếu là Kháo, Dẻ, Ngún Ngán, Trầu, Vối, Sau Sau, Đa, Săng, Mè Gà, Thầu Tầu, Chò, Núc Nác, Gạo và một số cây chưa xác định được tên loài thuộc nhóm gỗ thông

thường, đã bị chặt và cắt lìa khỏi gốc đổ rạp trên mặt đất, phần cành ngọn bị đốt cháy để lại trên bề mặt đất một lớp than tro màu xám. Các gốc bị chặt thấp nhất cách mặt đất 10cm, cao nhất 160cm, trên bề mặt để lại các vết cưa cắt ngang và vết dao chặt nham nhở đều hướng từ ngoài vào trong; trên mặt đất chỉ còn lại một vài cây cỏ dại. Các cây gỗ bị chặt phá nằm ngổn ngang, các cây nhỏ xếp lại thành từng đống nhỏ, đã bị đốt cháy phần vỏ.

Tại bản kết luận giám định tư pháp ngày 31/5/2022 của ông Triệu Lương H, Giám định viên Tư pháp theo vụ việc công tác tại Hạt Kiểm lâm thành phố L, tỉnh Lạng Sơn kết luận:

- Xác định loại rừng: Diện tích 6.108,24m<sup>2</sup> có cây bị chặt phá thuộc các lô 27 (thửa 331), lô 41(thửa 352), lô 42 (thửa 357) và lô 45 (thửa 358) thuộc khoảnh 12, tiểu khu 2G bản đồ hiện trạng rừng xã S năm 2020; đối chiếu với bản đồ điều chỉnh quy hoạch lại 3 loại rừng xã S theo Quyết định số 687/QĐ-UBND ngày 24/4/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn thì diện tích trên thuộc quy hoạch rừng phòng hộ tự nhiên.

- Xác định khối lượng gỗ:

+ Phần diện tích 2.655,45m<sup>2</sup>, số cây gỗ bị chặt phá gồm các loài cây: Kháo, Dẻ, Núc Nác, Mè Gà, Ngún Ngán, Trầu, Vối, Sau Sau, Chò, Gạo, Đa, Thầu Tầu và một số cây chưa xác định được tên loài thuộc nhóm gỗ thông thường có mật độ 647 cây/ha, khối lượng gỗ 16,580m<sup>3</sup>/ha.

+ Phần diện tích 3.452,79m<sup>2</sup>, số cây gỗ bị chặt phá gồm các loài cây: Kháo, Dẻ, Núc Nác, Mè Gà, Ngún Ngán, Trầu, Vối, Sau Sau, Chò, Gạo, Đa, Thầu Tầu và một số cây chưa xác định được tên loài thuộc nhóm gỗ thông thường, có mật độ 575 cây/ha, khối lượng gỗ 13,991m<sup>3</sup>/ha.

- Căn cứ theo phụ lục I, phân chia trạng thái rừng ban hành kèm theo Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ nông Nghiệp và phát triển nông thôn quy định về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng thì hai phần diện tích có cây bị chặt phá là rừng đã có trữ lượng thuộc nhóm gỗ thông thường (ký hiệu SP).

Tại bản kết luận định giá tài sản số 37/KL-HĐĐGTS ngày 11/9/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện H kết luận: 9,234m<sup>3</sup> gỗ tự nhiên là các cây Kháo, Dẻ, Núc Nác, Mè Gà, Ngún Ngán, Trầu, Vối, Sau Sau, Chò, Gạo, Đa, Thầu Tầu có trị giá là 8.311.000 đồng.

Bản Cáo trạng số 63/CT-VKS ngày 13/10/2022, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội hủy hoại rừng theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 243 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ sự việc phạm tội đúng như bản Cáo trạng đã truy tố; đồng thời xin tự nguyện trồng lại rừng bằng cây tự nhiên, phủ xanh toàn bộ diện tích rừng đã bị hủy hoại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn luận tội giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 243, điểm s khoản 1, 2 Điều 51; các Điều 38, 50, 58, 65 Bộ luật hình sự, tuyên bố Nguyễn Văn T phạm tội hủy hoại rừng, xử phạt bị cáo từ 02 năm tù đến 03 năm tù, cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 04 đến 05 năm. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2; điểm a, b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 cửa cầm tay và 01 dao quắm của Nguyễn Văn T; trả lại cho Đường Văn B và Đường Văn C 02 cửa máy cầm tay.

Không xem xét trách nhiệm dân sự do không có yêu cầu và không xem xét đối với trữ lượng gỗ đã giao cho ông Nguyễn Văn M quản lý theo Biên bản bàn giao hiện trường ngày 28/4/2022.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định. Bị cáo, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo nói lời sau cùng xin được giảm nhẹ hình phạt và cải tạo tại địa phương, cam kết sẽ chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật của nhà nước.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, người có quyền và nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Đường Văn B, anh Đường Văn C, anh Đường Văn P vắng mặt và đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Hồ sơ thể hiện những người vắng mặt đã có lời khai, lời trình bày được thu thập hợp pháp lưu giữ tại hồ sơ. Xét việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt.

[3] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời trình bày của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án tại Cơ quan điều tra, đồng thời hoàn toàn phù hợp với các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thu thập hợp pháp và thẩm tra tại phiên tòa; có đủ cơ sở để xác định: Trong khoảng thời gian từ ngày 16/02/2022 đến ngày 13/4/2022; tại khu rừng phòng hộ K thuộc thôn T, xã S, huyện H, đất thuộc trường hợp đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giao cho gia đình ông Nguyễn Văn M, bà Hoàng Thị N (là bố mẹ của T) quản lý và bảo vệ. Nguyễn Văn T đã có hành vi tự ý sử dụng cưa tay và dao quắm chặt hạ nhiều cây tự nhiên tại các lô 27 (thửa 331), lô 41(thửa 352), lô 42 (thửa 357)và lô 45 (thửa 358), khoảnh 12, tiểu khu 2G thuộc rừng phòng hộ K rồi đốt, dọn dẹp đất trống nhằm mục đích trồng cây lấy gỗ nguyên liệu, phát triển kinh tế gia đình.

[4] Nguyễn Văn T đã hủy hoại tổng diện tích 6.108,24m<sup>2</sup> rừng đã có trữ lượng; thiệt hại về lâm sản 9,234m<sup>3</sup> gỗ tạp nhóm loài thông thường có trị giá 8.311.000 đồng. Hành vi tự ý sử dụng dao, cưa chặt phá, đốt các cây tự nhiên trong rừng phòng hộ (loại rừng tự nhiên) của Nguyễn Văn T đã vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Lâm nghiệp về các hành vi bị cấm trong hoạt động lâm nghiệp: “1. Chặt, phá, khai thác, lấn, chiếm rừng trái quy định của pháp luật” và khoản 1 Điều 55 Luật Lâm nghiệp về khai thác lâm sản trong rừng phòng hộ: “1. Đối với rừng phòng hộ là rừng tự nhiên, được khai thác cây gỗ đã chết, cây gãy đổ, cây bị sâu bệnh, cây đứng ở nơi mật độ lớn hơn mật độ quy định”.

[5] Hành vi của bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về quản lý, bảo vệ rừng, gây thiệt hại cho tài nguyên rừng, dẫn đến mất cân bằng sinh thái của môi trường, làm giảm tác dụng bảo vệ của rừng đối với cộng đồng dân cư khi có thiên tai. Hành vi phạm tội của bị cáo không những gây ảnh hưởng xấu đến tình hình quản lý, bảo vệ rừng tại địa phương mà còn gây ra tâm trạng bất bình, lo lắng cho các Cơ quan quản lý Nhà nước trong lĩnh vực quản lý rừng. Bị cáo là người có thể chất phát triển bình thường, có đủ độ tuổi, năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Mặc dù ý thức của bị cáo vì động cơ phát triển sinh kế gia đình, mở rộng diện tích đất trồng cây lấy gỗ nguyên liệu nhưng bị cáo hoàn toàn nhận thức được chính sách bảo vệ, phát triển rừng và quy định hành vi chặt phá rừng phòng hộ tự nhiên là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Từ những nhận định nêu trên, đảm bảo căn cứ xác định bị cáo Nguyễn Văn T đã thực hiện hành vi hủy hoại rừng, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 243 Bộ luật Hình sự. Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[6] Để quyết định hình phạt ngoài việc xem xét, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm trong hành vi phạm tội của bị cáo, cần phải xem xét đến nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và các yếu tố khác có

liên quan, để đưa ra mức hình phạt thỏa đáng, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, trên cơ sở xem xét đề nghị luận tội của cơ quan công tố, cụ thể:

[7] Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo định điểm s khoản 1, khoản 2 (03 tình tiết) Điều 51 Bộ Luật Hình sự, cụ thể: Trong suốt quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo và thể hiện sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo có trình độ văn hóa thấp (lớp 3/12), là người dân tộc thiểu số, cư trú tại vùng kinh tế xã hội khó khăn; bị cáo phạm tội lần đầu với động cơ, mục đích chỉ để làm ăn, phát triển kinh tế, hậu quả, thiệt hại gây ra không lớn, đã được ngăn chặn kịp thời; tại phiên tòa, bị cáo tự nguyện, cam kết sẽ trồng lại phủ xanh diện tích rừng phòng hộ bị chặt hạ.

[8] Về hình phạt chính: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; là lao động chính trong gia đình do bố mẹ bị cáo đã lớn tuổi, vợ bị cáo sức khỏe yếu, không có lao động, thu nhập ổn định. Ngoài ra, bị cáo có 04 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo phạm tội một phần do nhận thức pháp luật còn hạn chế, bản thân nghĩ là rừng của gia đình đã được nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giao quyền quản lý, sử dụng thì sẽ có quyền chặt, phá những cây tự nhiên (không có giá trị) trên rừng để trồng những cây khác có giá trị kinh tế cao hơn nên dẫn đến việc phạm tội. Hành vi của bị cáo đã hủy hoại diện tích rừng 6.108,24m<sup>2</sup> (gần mức tối đa của tình tiết định khung hình phạt) nên cần áp dụng một hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội, xử phạt bị cáo hình phạt tù trên mức khởi điểm của khung hình phạt, nhưng không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định gấp đôi thời gian thử thách, cải tạo tại địa phương cũng đảm bảo tác dụng giáo dục, răn đe, phòng ngừa chung, đồng thời thể hiện sự khoan hồng trong chính sách pháp luật của nhà nước.

[9] Về hình phạt bổ sung: Tại Biên bản xác minh tài sản ngày 17/8/2022 thể hiện bị cáo Nguyễn Văn T không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo do không khả thi trong công tác đảm bảo thi hành án.

[10] Về vật chứng của vụ án: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2, điểm a, b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 cưa cầm tay và 01 dao quắm là công cụ phương tiện Nguyễn Văn T dùng vào việc phạm tội chặt hạ cây rừng. Trả lại 02 cưa máy cầm tay cho anh Đường Văn B và anh Đường Văn C do chỉ sử dụng khai thác cây tại khu vực rừng trồng của gia đình bị cáo và theo sự chỉ dẫn của người thuê nhân công.

[11] Đối với trữ lượng gỗ bị chặt phá là 9,234m<sup>3</sup> là gỗ tự nhiên có sẵn tại khu rừng phòng hộ tự nhiên theo quy định pháp luật thuộc quyền sở hữu toàn dân (người được giao quản lý, bảo vệ rừng theo Giấy chứng nhận là ông Nguyễn Văn M và bà Hoàng Thị N không được quyền sở hữu tài sản trên đất mà chỉ được tận thu hoa lợi như củi mục, măng... sử dụng), nên cần tịch thu, hóa giá nộp Ngân sách nhà nước. Số gỗ này hiện đang tạm giao cho ông Nguyễn Văn M quản lý theo “*Biên bản bàn giao hiện trường vụ việc chặt phá trái phép rừng tại thôn T, xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn ngày 28/4/2022*” với tổng số lượng “*cây rừng bị chặt phá là 101 cây, loài chủ cây chủ yếu là Kháo, Dẻ, Ngún Ngán, Trấu, Vối, Sau Sau, Đa, Săng, Mè Gà, Thấu Tấu, Chò, Núc Nắc, Gạo và một số cây chưa xác định tên*” đa phần là gỗ tạp, không tránh khỏi bị mối, mục, hư hỏng, mất hoặc giảm giá trị vì điều kiện tự nhiên; do vậy quá trình thi hành bản án, các cơ quan chức năng có thẩm quyền liên quan tại địa phương (Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng, Hạt kiểm lâm huyện Hữu Lũng, phòng tài chính kế hoạch...vv.) có trách nhiệm thực hiện việc kiểm đếm, xác định chất lượng, giá trị thực tế sử dụng trữ lượng gỗ còn lại tại thời điểm thi hành án để xử lý đảm bảo đúng theo quy định pháp luật.

[12] Đối với giá trị thiệt hại về rừng: Xác định diện tích rừng phòng hộ tự nhiên 6.108,24m<sup>2</sup> có cây bị chặt phá thuộc các lô 27 (thửa 331), lô 41 (thửa 352), lô 42 (thửa 357) và lô 45 (thửa 358) thuộc khoảnh 12, tiểu khu 2G bản đồ hiện trạng rừng xã S năm 2020 nằm trong quyền sử dụng đất đã được Ủy ban nhân dân huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất cho ông Nguyễn Văn M và bà Hoàng Thị N. Các diện tích đất rừng trên thuộc quyền sử dụng của hộ ông Nguyễn Văn M, hộ ông M có trách nhiệm quản lý, bảo vệ, phát triển rừng phòng hộ được giao. Giá trị thiệt hại về rừng được xác định theo Kết luận định giá tài sản số 37/KL-HĐĐGTS ngày 11/9/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện H là 8.311.000 đồng nhằm xác định giá trị thiệt hại do tài sản (rừng) bị xâm phạm. Việc Nguyễn Văn T chặt phá cây rừng tự nhiên thuộc rừng phòng hộ, ông Nguyễn Văn M và bà Hoàng Thị N không biết và không có yêu cầu bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong cùng vụ án này.

[13] Đối với ông Nguyễn Văn M và bà Hoàng Thị N, chỉ được bảo Nguyễn Văn T bán các cây Xoan, Lát, Keo và Bạch Đàn gia đình trồng. Việc Nguyễn Văn T chặt phá cây rừng tự nhiên thuộc rừng phòng hộ được giao cho gia đình quản lý, bảo vệ, ông M và bà N không biết. Đối với việc gia đình ông Nguyễn Văn M bán cây Xoan, Lát, Keo và Bạch Đàn cho Đường Văn B là cây do gia đình trồng trong rừng phòng hộ theo dự án đã đến tuổi khai thác, nhưng không lập kế hoạch, phương án xin phép khai thác; Hồ sơ thể hiện cơ quan điều tra đã tách ra để xem xét, làm rõ, xử lý trong vụ việc khác.

[14] Đối với Đường Văn C và Đường Văn P là người đi khai thác cây thuê cho Đường Văn B, việc chặt hạ một số cây tự nhiên để mở đường, P và C chỉ biết là rừng của gia đình Nguyễn Văn T, T đã đồng ý cho chặt, không biết là rừng phòng hộ nên không có căn cứ xử lý.

[15] Bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

[16] Nội dung đề nghị luận tội và các căn cứ áp dụng, xử lý các vấn đề liên quan của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn tại phiên tòa phù hợp với các nhận định nêu trên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[17] Đề nghị giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo trong lời nói sau cùng của bị cáo đã được Hội đồng xét xử xem xét, cân nhắc trong quá trình nghị án.

[18] Bị cáo, người có quyền và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 243; điểm a, b khoản 1 Điều 47; điểm s khoản 1, khoản 2 (03 tình tiết) Điều 51; các Điều 38, 50, 65 của Bộ luật Hình sự;

Điểm a, b khoản 2 và điểm a, b khoản 3 Điều 106; Điều 331, Điều 332; Điều 333; khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1. Tội danh:** Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm Tội hủy hoại rừng.

**2. Hình phạt:**

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 02 (hai) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (bốn) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 10/11/2022.

Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho Ủy ban nhân dân xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn giám sát giáo dục trong thời hạn thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 2 lần trở lên quy định tại Điều 87 Luật thi hành án hình sự thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo; nếu phạm tội mới trong thời gian thử thách,



người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định của Bộ luật Hình sự hoặc bị xử lý theo quy định tại Điều 93 Luật thi hành án hình sự.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo điều 92 Luật thi hành án hình sự.

### **3. Xử lý vật chứng, tang vật.**

#### **3.1 Tịch thu tiêu hủy:**

- 01 (một) cưa cầm tay có chiều dài 65cm, phần kim loại có răng sắc, nhọn dài 50cm, phần tay bằng gỗ dài 15cm, chiều rộng 04 cm, cưa cũ đã qua sử dụng.

- 01 (một) dao quắm có chiều dài 73cm, phần chuôi dao bằng gỗ dài 38cm, rộng 03cm, con dao quắm dài 37cm, trong đó phần lưỡi dao dài 27cm, phần tay nắm dài 10cm, rộng 03cm, dao cũ đã qua sử dụng.

#### **3.2. Trả lại:**

- Cho anh Đường Văn B 01 (một) cưa máy cầm tay, máy chạy bằng xăng nhãn hiệu Husqvama 353, cưa cũ đã qua sử dụng.

- Cho anh Đường Văn C 01(một) cưa máy cầm tay, máy chạy bằng xăng nhãn hiệu Echo CS510, cưa cũ đã qua sử dụng.

*(Vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 14/10/2022).*

**3.3.** Tịch thu, hóa giá nộp Ngân sách Nhà nước trữ lượng gỗ đã bị chặt phá theo Biên bản bàn giao hiện trường vụ việc chặt phá trái phép rừng tại thôn T, xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn ngày 28/4/2022.

Quá trình thi hành bản án, các cơ quan chức năng có thẩm quyền liên quan tại địa phương có trách nhiệm thực hiện việc kiểm đếm, xác định chất lượng, giá trị thực tế sử dụng còn lại tại thời điểm thi hành án, để xử lý đảm bảo đúng theo quy định pháp luật.

*(Số lượng, chủng loại gỗ hiện đang được Công an huyện H, tỉnh Lạng Sơn giao cho ông Nguyễn Văn M chịu trách nhiệm trong công tác trông coi, quản lý, bảo vệ theo Biên bản bàn giao hiện trường vụ việc chặt phá trái phép rừng tại thôn T, xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, lập ngày 28/4/2022; Biên bản kèm theo bản án).*

**4.** Ghi nhận việc tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn T tự nguyện xin khắc phục hậu quả, trồng lại rừng phòng hộ bằng cây tự nhiên, phủ xanh toàn bộ diện tích rừng đã bị hủy hoại.

Bị cáo Nguyễn Văn T có trách nhiệm liên hệ đến cơ quan chuyên môn có thẩm quyền quản lý, bảo vệ, phát triển rừng tại địa phương để được hướng dẫn trình tự, thủ tục, điều kiện, kỹ thuật thực hiện việc trồng, phủ xanh lại diện tích đất rừng phòng hộ tự nhiên theo đúng quy định pháp luật về việc khoanh nuôi, bảo vệ, phát triển rừng.

**5. Án phí:** Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm nộp Ngân sách Nhà nước.

**6. Quyền kháng cáo:** Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt, có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Hữu Lũng;
- Cơ quan CSĐT Công an H.Hữu Lũng;
- Cơ quan THAHS công an H.Hữu Lũng;
- Chi cục THADS H.Hữu Lũng;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Mạnh Cường**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Mạnh Cường**